

Bản án số: 333/2023/HS-PT

Ngày: 15/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 358/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Văn P, sinh năm 2000 tại tỉnh V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N1, xã L, huyện Y, tỉnh V; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Ngô Văn L và bà Đinh Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/9/2022, P bị Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Dương Đức Trọng - Văn phòng luật sư TH Bảo Tín thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; Địa chỉ: Số 11/501 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, thành phố H, tỉnh H; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Chị Nông Thị Hồng N, sinh năm 2000; địa chỉ: S205 V, phường L, quận 9, thành phố H9.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên Ngô Văn P đã tìm cách chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn tìm hiểu thông tin trên mạng Facebook về người có nhu cầu mua hàng, bán hàng, sau đó P dùng tài khoản Zalo và sim điện thoại rác liên lạc với người mua và người bán để thỏa thuận cho hai bên tiến hành giao nhận hàng hóa và yêu cầu người mua hàng chuyển tiền vào tài khoản của P để chiếm đoạt. Ngoài ra, P còn đưa ra thông tin gian dối là kinh doanh hàng đông lạnh và mua bán đất làm cho những người bị hại tin tưởng giao tiền cho P. Bằng các thủ đoạn trên trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến ngày 11/02/2022, P đã chiếm đoạt tổng số tiền 4.110.934.000 đồng của 07 công dân và 02 doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh H, V, thành phố Hà Nội, thành phố H9, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 216.000.000 đồng của vợ chồng chị Vũ Thị H, sinh năm 1982 và anh Dương Danh G, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh H:

Ngày 09/02/2022, P sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu S Mobile lắp sim số 0708.043.083 gọi điện cho chị Vũ Thị H làm chủ đại lý kinh doanh dầu ăn, tự giới thiệu tên là P đang có hàng dầu ăn giá rẻ hơn giá thị trường chào hàng với chị H. Do đang có nhu cầu mua dầu ăn, chị H đồng ý và kết bạn Zalo với P và đặt mua của P 300 thùng dầu ăn nhãn hiệu Freda loại 10 lít/can và 50 thùng dầu Freda đóng bịch 18 kg/01 thùng với tổng số tiền là 237.000.000 đồng. P hẹn chị H 3 ngày sau sẽ có hàng, cam kết nhận hàng kiểm tra đúng chủng loại, bốc xếp vào kho thì thanh toán bằng việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng và được giữ lại 20.000.000 đồng khi nào bên bán trả hóa đơn đỏ mới phải thanh toán hết số tiền còn lại. Sau khi thỏa thuận với chị H, cùng ngày P vào nhóm hội dầu ăn trên Facebook tìm đại lý bán dầu ăn và sử dụng điện thoại di động trên gọi đến số máy 0904.328.733 của anh Trần Duy H1, sinh năm 1982, trú tại: thôn N2, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội đặt mua dầu ăn nhãn hiệu Freda với số lượng như đã thỏa thuận bán cho chị H, tổng trị giá 247.000.000 đồng. P sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 105874865718 của mình chuyển 3.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034895998012 của anh H1 để đặt cọc. Trưa ngày 11/02/2022, P gọi điện cho chị H thông báo khoảng 21 giờ xe ô tô chở hàng hóa sẽ về đến nhà chị H, nhờ chị H tìm người bốc hàng và bớt 1.000.000 đồng vào tiền hàng, còn P bận không đi theo xe, có lái xe và người phụ nữ đi theo xe hàng, khi đến nơi kiểm hàng, nhận hàng xong thì chuyển khoản cho P. Sau khi thống nhất với chị H, P trao đổi với anh H1 thống nhất về thời gian, địa điểm, người giao hàng và được anh H1 cung cấp số điện thoại 0932.240.645 của chị Nguyễn Thị H2 (vợ anh H1)

trực tiếp giao hàng, rồi P nhắn tin cho chị H số điện thoại của chị H2 để chị H liên hệ nhận hàng. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/02/2022, chị H2 đi cùng anh Phí Hữu T lái xe ô tô tải BKS 29H-774.59 chở dầu ăn đến giao cho chị H. Khi xe vào đến kho hàng, chị H kiểm tra hàng trên xe xác nhận đúng theo đơn đã đặt. Chị H2 yêu cầu chuyển tiền thì mới cho bốc hàng xuống. Do P đã trao đổi về việc thanh toán từ trước nên hồi 21 giờ 25 phút ngày 11/02/2022, chị H chuyển khoản 216.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 105874865718 của P. Ngay sau khi chị H chuyển tiền, P chặn liên lạc với chị H và chiếm đoạt số tiền trên của chị H. Do chị H2 không nhận được tiền nên không giao hàng cho chị H. Trong tổng số tiền 216.000.000 đồng chị H chuyển cho P, P đã chuyển 185.000.000 đồng vào tài khoản số 0921000710702 tại Vietcombank mang tên Trần Thị Diễm M để nhờ chị M rút tiền hộ, chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số 03860235001 tại TP Bank mang tên Nông Thị Hồng N để trả nợ cho chị N, số tiền còn lại P để chi tiêu cá nhân.

Vợ chồng chị H, anh G yêu cầu P hoàn trả lại số tiền 216.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Duy H3, sinh năm 1981 và chị Trần Thị U, sinh năm 1987, địa chỉ: Phường P, thành phố H, tỉnh H:

Với thủ đoạn như trên, ngày 30/11/2021, P xem Facebook thấy anh Nguyễn Duy H3 đang có nhu cầu mua dầu ăn nhãn hiệu Aliza và để số điện thoại 0982.642.367 để giao dịch nên P sử dụng sim khuyến mại (*không nhớ số*) gọi đến số điện thoại của anh H3, giới thiệu là đại lý bán dầu ăn nhãn hiệu Aliza với giá 650.000 đồng/bình. Thấy giá dầu ăn do P giao bán rẻ hơn giá thị trường nên anh H3 đặt mua 400 bình dầu ăn nhãn hiệu Aliza loại 18 kg thành tiền là 260.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi bên bán giao hàng thì anh H3 chuyển khoản trả trước cho P 150.000.000 đồng. P lên Facebook tìm kiếm đại lý bán hàng thì thấy anh Đinh Công L1, sinh năm 1990, trú tại: phường T, quận A, thành phố H đăng tin cần bán dầu ăn nhãn hiệu Aliza với giá 655.000 đồng/01 bình. P liên lạc kết bạn zalo với anh L1 và đặt mua 400 bình dầu ăn nhãn hiệu Aliza, thành tiền là 262.000.000 đồng, P yêu cầu giao hàng trong ngày tại thành phố H, anh L1 đồng ý và yêu cầu P đặt cọc 2.000.000 đồng. Ngày 30/11/2021, P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank của mình số 070126517872 chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng ACB số 19888688 của anh L1. Sau khi nhận tiền đặt cọc, ngày 01/12/2021 anh L1 điều lái xe là anh Lại Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại xã T1, huyện Y1, Thanh Hóa chở hàng về số 36 Bình Minh, thành phố H giao cho anh H3, sau khi kiểm tra thấy đúng chủng loại, số lượng hàng đã đặt mua, anh H3 chuyển số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 9158688688888 của anh H3 vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 070126517872 của P. Sau khi nhận được tiền của anh H3, P chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền trên. Do anh L1 không nhận được tiền thanh toán nên không giao hàng cho anh H3.

P đồng ý trả số tiền 2.000.000 đồng đã đặt cọc cho anh L1 để thanh toán cước vận chuyển hàng từ Hải Phòng lên H. Vợ chồng anh H3, chị U yêu cầu P hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 109.334.000 đồng của chị Nguyễn Trúc L2, sinh năm 1998, địa chỉ: Khóm P1, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp:

Ngày 28/8/2021, Ngô Văn P lên facebook biết được chị Nguyễn Trúc L2 đăng bán 1.200 thùng mỳ gói nhãn hiệu 3 Miền Gold, P sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu S Mobile lắp sim số 0779459817 gọi cho chị L2 đặt mua 1.200 thùng mỳ trên với giá 134.400.000 đồng. Sáng ngày 29/8/2021, P sử dụng tài khoản ngân hàng TP Bank số 14375194110 của P chuyển đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19033937577016 của chị L2 số tiền 1.000.000 đồng để đặt cọc và thỏa thuận chị L2 vận chuyển 1.200 thùng mỳ đến nhà xe N2, địa chỉ số 02 T2, phường 5, quận 11, thành phố H9 để giao hàng cho P, sau đó P sẽ chuyển tiền thanh toán cho chị L2. Do xe không đủ chỗ nên chị L2 thông báo giao trước 1.036 thùng mỳ cho nhà xe N2. Lúc này P thỏa thuận bán 1.036 thùng mỳ cho anh Lê Văn H4, sinh năm 1980, trú tại số 11 L3, phường 4, quận 11, thành phố H9 với giá 61.000.000 đồng với thỏa thuận khi anh H4 nhận được 1.036 thùng mỳ từ nhà xe N2 sẽ chuyển khoản trả tiền cho P. Đến 14 giờ 23 phút ngày 29/8/2021, sau khi nhận 1.036 thùng mỳ, anh H4 chuyển số tiền 61.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19037351579015 của P và chuyển 511 thùng mỳ đến tỉnh An Giang để làm từ thiện. Ngay sau khi nhận tiền từ anh H4, P chặn số điện thoại nên chị L2 không liên lạc được đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, thành phố H9. Ngày 30/8/2021, anh H4 giao nộp 525 thùng mỳ còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, thành phố H9; ngày 18/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 525 thùng mỳ cho chị L2.

Tại Kết luận định giá tài sản số 73 ngày 25/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND quận 11, thành phố H9 kết luận: 1.036 thùng mỳ 3 miền Gold tại thời điểm ngày 29/8/2021 là 110.334.000 đồng. Chị L2 yêu cầu P bồi thường trị giá 511 thùng mỳ bị mất trị giá là 54.421.500 đồng, trừ số tiền 1.000.000 đồng P đã đặt cọc trước đó cho chị L2 nên yêu cầu P phải bồi thường số tiền là 53.421.500 đồng; anh H4 mua 1.036 thùng mỳ của P với giá 61.000.000 đồng, đã dùng 511 thùng mỳ để làm từ thiện nên yêu cầu P bồi thường số tiền 6.578.500 đồng.

4. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.976.800.000 đồng của anh Trần Văn D1, sinh năm 1992, địa chỉ: Xã L, huyện Y, tỉnh V; 915.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 1992 và chị Phan Thị Thu H5, sinh năm 1992; 110.000.000 đồng của vợ chồng anh Phan Văn V1, sinh năm 1994 và chị Dương Hồng H6, sinh năm 1993, đều có địa chỉ: Xã Y2, huyện Y, tỉnh V:

Năm 2020, Ngô Văn P cùng anh Trần Văn D1 kinh doanh chung mặt hàng đông lạnh, P chia lợi nhuận đầy đủ cho anh D1. Ngoài ra, P rủ anh Đặng Xuân N1, sinh năm 1987, trú tại xã C3, huyện Y, tỉnh V là người làm cùng tại Công ty

TNHH Thương mại Quốc tế Phú Hưng góp vốn cùng P để kinh doanh buôn bán hàng đông lạnh (*thịt lợn, thịt gà, thịt trâu, thịt bò*), với thỏa thuận lợi nhuận chia đôi, anh N1 đồng ý. Từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020, anh N1 nhiều lần đưa tiền mặt góp vốn cho P, sau mỗi chuyến hàng bán được, P đều thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho anh N1 đầy đủ. Thời gian sau tháng 11/2020, do làm ăn thua lỗ nhưng biết anh N1 có nhiều vốn nên P tiếp tục rủ anh N1 góp vốn để P kinh doanh tiếp, anh N1 đồng ý. Từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021, anh N1 đã chuyển cho P nhiều lần với tổng số tiền 1.270.350.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên từ anh N1, P tiếp tục đi mua hàng ở cảng Hải Phòng và một số nơi khác nhưng do làm ăn thua lỗ, không trả được tiền anh N1 đúng hẹn, anh N1 liên tục đòi tiền nhiều lần.

Để có tiền trả cho anh N1 và không muốn anh N1 biết việc P làm ăn thua lỗ, P tìm cách chiếm đoạt tiền của anh D1 để trả nợ anh N1 bằng cách rủ anh D1 góp vốn kinh doanh hàng đông lạnh và đưa ra thông tin gian dối là P có thể lấy được nguồn hàng giá rẻ hơn giá thị trường từ cảng Hải Phòng và bảo anh D1 tìm khách mua hàng để hưởng lợi nhuận cao. Do tin tưởng lời P nói là thật nên anh D1 đã đồng ý góp vốn kinh doanh hàng đông lạnh cùng P. Từ ngày 26/11/2020 đến ngày 17/3/2021, anh D1 sử dụng số tài khoản 8200199288888 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chuyển khoản tổng số tiền 1.976.800.000 đồng đến tài khoản của P, trong đó 02 lần chuyển 55.000.000 đồng đến số tài khoản 0361000359589 của P mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và 29 lần chuyển tổng số tiền 1.921.800.000 đồng đến tài khoản số 9400156788888 của P mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi nhận tiền từ anh D1, P không sử dụng số tiền anh D1 góp vốn vào việc kinh doanh hàng đông lạnh mà dùng trả nợ cho anh N1 880.100.000 đồng, còn 824.700.000 đồng P chi tiêu cá nhân hết.

Cũng với thủ đoạn trên, P rủ anh Nguyễn Văn L4 (*bạn anh D1*) cùng góp vốn kinh doanh hàng đông lạnh và góp tiền mua chung đất với P. Do tin tưởng lời P nói là thật nên từ ngày 08/12/2020 đến ngày 02/3/2021, anh L4 đã nhiều lần chuyển tiền và đưa tiền mặt cho P với tổng số tiền là 915.000.000 đồng, trong đó có 515.000.000 đồng tiền anh L4 góp vốn kinh doanh hàng đông lạnh và 400.000.000 đồng góp vốn mua chung đất. Sau khi nhận tiền từ anh L4, P không sử dụng vào việc kinh doanh, mua đất như đã cam kết với anh L4 mà sử dụng 672.000.000 đồng trả cho anh N1, số tiền còn lại P sử dụng chi tiêu cá nhân. Để anh L4 tin tưởng tiếp tục giao tiền cho P, nên thỉnh thoảng P có trả cho anh L4 tiền và nói là tiền gốc và lợi nhuận có được từ việc kinh doanh với tổng số tiền là 86.000.000 đồng.

Bằng thủ đoạn trên, P thỏa thuận với anh Phan Văn V1 (*bạn anh D1, anh L4*) góp vốn kinh doanh hàng đông lạnh. Anh V1 tin tưởng nên từ ngày 23/02/2021 đến ngày 03/3/2021, Anh V1 sử dụng tài khoản ngân hàng VIB số 056704060001111 chuyển tiền 05 lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng đến tài khoản số 9400156788888 của P và bị P chiếm đoạt.

Tổng số tiền P chiếm đoạt của anh D1, anh L4, Anh V1 là 3.001.800.000 đồng. Anh D1 yêu cầu P trả số tiền là 1.704.800.000 đồng; anh Nguyễn Văn L4 yêu cầu P trả số tiền là 829.000.000 đồng; anh Phan Văn V1 yêu cầu P phải trả số tiền 110.000.000 đồng. Anh N1 xác định đã thanh toán xong với P nên không có yêu cầu gì.

5. Hành vi chiếm đoạt số tiền 231.000.000 đồng của Công ty TNHH Telio Việt Nam, địa chỉ: Số 88 L5, quận Đ1, thành phố Hà Nội:

Ngày 31/12/2021, P sử dụng số điện thoại 0396802153 lập zalo tên “Michael P” kết bạn qua zalo với anh Ngô Vi T3, sinh năm 1995; trú tại xã T4, huyện T5, thành phố Hà Nội, là nhân viên của công ty TNHH Telio Việt Nam. Qua zalo P đặt vấn đề với anh T3 mua 1.000 thùng bia lon Hà Nội với giá 233.000 đồng/01 thùng, do thấy P trả giá cao hơn so với thị trường nên anh T3 đồng ý. P sử dụng tài khoản ngân hàng Viettinbank số 105874865718 của P chuyển khoản 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MBBank số 111127081995 của anh T3 để đặt cọc và thống nhất với anh T3 sau khi giao hàng xong P thanh toán số tiền còn lại cho anh T3 bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi đặt mua bia của anh T3, P lên mạng xã hội tìm người mua bia được biết anh Đào Ngọc Q1, sinh năm 1991, trú tại xã A1, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đang có nhu cầu mua bia nên kết bạn zalo với anh Q1, thỏa thuận bán cho anh Q1 1.000 thùng bia lon Hà Nội với giá 225.000 đồng/01 thùng, anh Q1 đồng ý mua và yêu cầu P chuyển hàng tới kho hàng tại xã Đ3, huyện C4, thành phố Hà Nội giao cho anh Q1, toàn bộ thủ tục, giấy tờ giao hàng thì P lo, P yêu cầu anh Q1 thanh toán tiền cho P bằng hình thức chuyển khoản khi giao hàng xong. Sau khi giao dịch xong với người mua và người bán, ngày 03/01/2022, P báo cho anh T3 chuyển 1.000 thùng bia tới kho hàng xã Đ3, huyện C4, thành phố Hà Nội giao cho anh Q1. Sau khi kiểm tra hàng và chuyển hàng vào kho, anh Q1 hỏi anh T3 thanh toán đơn hàng 1.000 thùng bia này cho ai, do đã thỏa thuận với P từ trước nên anh T3 bảo anh Q1 chuyển tiền cho P. Ngày 03/01/2022, anh Q1 sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 0090108889999 chuyển số tiền 225.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 105874865718 của P. Nhận được tiền P hủy kết bạn zalo với anh T3, anh Q1 và chiếm đoạt số tiền trên. Sau khi nhận hàng, anh Q1 đã bán hết số bia trên. Anh T3 và Công ty TNHH Telio Việt Nam đã giao hàng xong nhưng không nhận được tiền của P nên đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C4, thành phố Hà Nội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 72 ngày 25/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C4, thành phố Hà Nội, kết luận: 1.000 thùng bia lon nhãn hiệu bia Hà Nội tại thời điểm tháng 01/2022 có giá trị là: 233.000.000 đồng.

Công ty TNHH Telio Việt Nam trừ số tiền 2.000.000 đồng P đã đặt cọc, còn lại 231.000.000 đồng công ty yêu cầu P có trách nhiệm hoàn trả.

6. Hành vi chiếm đoạt số tiền 347.800.000 đồng của Công ty X, địa chỉ: Ngõ 214 N2, phường H7, quận T6, thành phố Hà Nội:

Ngày 13/01/2022, P thỏa thuận bán 2.000 thùng Coca Cola với giá 320.000.000 đồng cho anh Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1980, trú tại: phường H7, quận T6, thành phố Hà Nội và hẹn giao hàng tại Ngõ 300 N2, xã T7, huyện T5, thành phố Hà Nội. Để có hàng hóa bán cho anh B1, P liên hệ với chị Nguyễn Hương L6, sinh năm 1998, trú tại đường Phan Đình P1, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là nhân viên Công ty X đặt mua 2.000 thùng Coca Cola với giá 354.000.000 đồng, P chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản công ty để đặt cọc và hẹn giao hàng tại địa điểm đã thống nhất với anh B1, sau khi giao xong hàng thì thanh toán. Sau đó, chị L6 liên hệ với anh Lê Quang C5, sinh năm 1981, trú tại phường Đ5, quận H8, thành phố Hà Nội là quản lý công ty Coca Cola để mua 2.000 thùng Coca Cola, anh C5 bảo chị Bùi Thị Thu H9, sinh năm 1985, trú tại xã V2, huyện T8, thành phố Hà Nội là nhân viên công ty Coca Cola liên hệ với chị L6, chị H9 tự bỏ tiền ra mua 2.000 thùng Coca Cola của Công ty và thỏa thuận bán cho chị L6 2.000 thùng Coca Cola với giá 352.000.000 đồng. Ngày 15/01/2022, chị L6 đi cùng chị H9 và chị Trần Thị Thủy T9, sinh năm 1998, trú tại xã T10, thành phố Hòa Bình để giao 2.000 thùng Coca Cola cho anh B1 tại địa điểm trên. Sau khi nhận hàng, anh B1 chuyển 230.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 105874865718 của P, còn lại 90.000.000 đồng khi nhận hóa đơn xuất kho sẽ thanh toán hết. Sau khi nhận tiền của anh B1 thì P chặn số, tắt máy để anh B1, chị L6, chị H9 không liên lạc được. Anh B1 đã bán hết số hàng trên. Chị H9 đã nhận số tiền 5.000.000 đồng từ chị Nguyễn Hương L6 (là tiền do P đặt cọc) và nhận 90.000.000 đồng từ anh Nguyễn Xuân B1. Tổng cộng chị H9 đã nhận 95.000.000 đồng nên yêu cầu Công ty X phải trả số tiền là 257.000.000 đồng. Công ty X yêu cầu P phải trả lại số tiền 257.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56 ngày 14/04/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện T5, thành phố Hà Nội, kết luận: 2.000 thùng nước ngọt nhãn hiệu Coca Cola tại thời điểm tháng 4/2022 trị giá là 352.800.000 đồng.

7. Hành vi chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của vợ chồng chị Đinh Thị T11, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn T12, sinh năm 1984, địa chỉ: Xã V3, huyện T8, thành phố Hà Nội:

Ngày 13/6/2021, Ngô Văn P thông qua mạng xã hội biết chị Đinh Thị T11 đăng tin trên mạng muốn mua 100 thùng khẩu trang y tế nên P lập Zalo tên Ngọc Duy kết bạn và thỏa thuận bán cho chị T11 100 thùng khẩu trang với giá 55.000.000 đồng và hẹn giao dịch tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, huyện T8, thành phố Hà Nội. Đồng thời, P liên lạc với anh Vũ Văn T13, sinh năm 1990, trú tại xã L7, huyện T13, tỉnh Bắc Ninh thỏa thuận mua 100 thùng khẩu trang với giá 66.000.000 đồng, hẹn giao tại địa điểm đã thống nhất với chị T11 như trên. Sau đó, anh T13 gọi điện cho anh Vũ Bá Q2, sinh năm 1991, trú tại xã D2, huyện T8,

thành phố Hà Nội bảo chở 100 thùng khẩu trang xuống khu công nghiệp Ngọc Hồi giao hàng thì anh Q2 rủ anh Nguyễn Quang C6, sinh năm 1991, trú tại xã L7, huyện T13, tỉnh Bắc Ninh đi cùng. P gọi điện cho bạn là anh Bùi Ngọc D3, sinh năm 1999, trú tại: xã C3, huyện Y, tỉnh V mượn số tài khoản của D3 và nhờ D3 chuyển khoản số tiền 900.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036391167015 của anh Vũ Văn T13 để đặt cọc, đồng thời P gửi số tài khoản của anh D3 cho chị T11 và yêu cầu chị T11 chuyển tiền vào tài khoản của anh D3.

Đến khoảng 19 giờ 30 ngày 13/6/2021, chị T11 thấy xe tải chở khẩu trang của anh Q2 nên chuyển khoản số tiền 55.000.000 đồng qua dịch vụ Internetbanking đến số tài khoản của anh D3 rồi hai bên chuyển khẩu trang từ xe ô tô của anh Q2 sang xe ô tô của chị T11, khi đang bốc hàng thì anh T13 gọi điện cho anh Q2 không cho bốc hàng nữa vì chưa nhận được tiền. Sau đó, chị T11 và anh T13 gọi điện cho P để kiểm tra thì P tắt máy và chặn Zalo. Sau khi nhận được tiền, P bảo anh D1y chuyển khoản 40.000.000 đồng cho P, P rút tiền chi tiêu cá nhân, còn lại 15.000.000 đồng P nhờ anh D1y mua máy tính hộ (*anh D3 không biết P mượn tài khoản của D3 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản*). Chị T11 yêu cầu P phải trả lại số tiền 55.000.000 đồng. Anh T13 và anh Q2 không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 48, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Ngô Văn P 20 (Hai mươi) năm tù. Tổng hợp hình phạt 05 (Năm) năm tù bị cáo phải chấp hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo Ngô Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (Hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/02/2022.

Buộc chị Nông Thị Hồng N phải hoàn trả cho chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2023, bị cáo Ngô Văn P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/3/2023, chị Nông Thị Hồng N kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự vì cho rằng chị không biết số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo chuyển trả cho chị là do bị cáo phạm tội mà có, yêu cầu Tòa án xem xét chị không phải hoàn trả cho chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G số tiền trên.

Ngày 28/3/2023, Công ty X có đơn kháng cáo quá hạn. Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo quá hạn số 38/2023/HSPT-QĐ ngày 08/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo quá hạn của Công ty X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ngô Văn P giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là chị Nông Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để tuyên mức hình phạt 20 (Hai mươi) năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án tổng hợp hình phạt 05 năm tù bị cáo phải chấp hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo Ngô Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (Hai mươi lăm) năm tù là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết mới nào đáng kể có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo P.

Cơ quan điều tra đã làm rõ bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt của chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G để trả cho chị Nông Thị Hồng N 20.000.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm tuyên buộc chị N phải hoàn trả số tiền trên cho chị H, anh G là đúng quy định. Kháng cáo của chị Nông Thị Hồng N không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo P, không chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nông Thị Hồng N; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Ngô Văn P, chị Nông Thị Hồng N kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 28/3/2023, Công ty X có đơn kháng cáo quá hạn. Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo quá hạn số 38/2023/HSPT-QĐ ngày 08/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo quá hạn của Công ty X nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Văn P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến ngày 11/02/2022, Ngô Văn P lên mạng Facebook để tìm người có nhu cầu mua hàng, bán hàng, sau đó P dùng tài khoản Zalo và sim điện thoại rác liên lạc với người mua và người bán để thỏa thuận cho hai bên tiến hành giao nhận hàng hóa và yêu cầu người mua hàng chuyển tiền vào tài khoản của P để chiếm đoạt. Ngoài ra, P còn đưa ra thông tin gian dối rủ người khác góp vốn chung kinh doanh hàng đông lạnh, mua chung đất làm cho những người bị hại tin tưởng giao tiền cho P. Với thủ đoạn trên, P đã chiếm đoạt tổng số tiền 4.110.934.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G là 216.000.000 đồng; của anh Nguyễn Duy H3 và chị Trần Thị U là 150.000.000 đồng; của chị Nguyễn Trúc L2 là 109.334.000 đồng; của anh Trần Văn D1 là 1.976.800.000 đồng; của anh Nguyễn Văn L4 và chị Phan Thị Thu H5 là 915.000.000 đồng; của anh Phan Văn V1 và chị Dương Hồng H6 là 110.000.000 đồng; của Công ty TNHH Telio Việt Nam là 231.000.000 đồng; của Công ty X là 347.800.000 đồng; của chị Đinh Thị T11 và anh Nguyễn Văn T12 là 55.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Ngô Văn P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn P :

[3.1] Bị cáo Ngô Văn P nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến ngày 11/02/2022, bị cáo đã nhiều lần sử dụng mạng Facebook, tài khoản Zalo và sim điện thoại rác để lừa đảo chiếm đoạt số tiền rất lớn của các bị hại. Ngoài ra, P còn đưa ra thông tin gian dối rủ người khác góp vốn chung kinh doanh hàng đông lạnh, mua chung đất làm cho những người bị hại tin tưởng giao tiền cho P mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, do vậy, bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Bị cáo có nhân thân xấu, ngoài các hành vi bị cáo bị truy tố trong vụ án, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngoài ra, bị cáo còn bị cơ quan tiến hành tố tụng huyện Bình Chánh, thành phố H9 điều tra, truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản”. Tòa án sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ của vụ án, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại (trả cho anh D1 272.000.000 đồng, trả anh L4 86.000.000 đồng), vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Ngô Văn P 20 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo P không có tình tiết giảm nhẹ mới nào đáng kể có thể thay đổi bản chất của vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tòa án sơ thẩm tổng hợp hình phạt của 02 Bản án; buộc bị cáo Ngô Văn P phải chấp hành hình phạt chung với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội là 25 (Hai mươi lăm) năm tù là đúng quy định.

[4] Xét kháng cáo của chị Nông Thị Hồng N không đồng ý nội dung của Bản án sơ thẩm buộc chị phải hoàn trả cho chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vì cho rằng chị không biết số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo chuyển trả là do P phạm tội mà có. Xét thấy, quá trình điều tra bị cáo P khai nhận có chuyển cho chị N 20.000.000 đồng từ số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị H, anh Gân. Lời khai của bị cáo phù hợp với số tiền và thời điểm chị N nhận 20.000.000 đồng từ bị cáo P nên Bản án sơ thẩm buộc chị N phải hoàn trả cho chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G số tiền trên là có căn cứ. Kháng cáo của chị N về phần trách nhiệm dân sự là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Ngô Văn P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; chị Nông Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Văn P ; Không chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm dân sự của chị Nông Thị Hồng N ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 48, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 167, Điều 579, Điều 580,

Điều 582 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Ngô Văn P 20 (Hai mươi) năm tù. Tổng hợp hình phạt 05 (Năm) năm tù bị cáo phải chấp hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo Ngô Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (Hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/02/2022.

Buộc chị Nông Thị Hồng N phải hoàn trả cho chị Vũ Thị H và anh Dương Danh G 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Ngô Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Chị Nông Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Biên lai thu số 0001231 ngày 29/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H, xác nhận chị N đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H;
- TAND huyện Bình Chánh, TP. H9;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, TP. H9;
- Bị cáo (qua TTG);
- Chị Nông T. Hồng Nhung (qua địa chỉ; SĐT: 0768.508.776);
- Lưu HS; HCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

Vũ Thị Thu Hà

Lê Thị Mai